

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 476/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Huỳnh C, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 10 ngõ 4 kiệt 35 đường Nguyễn Phúc L, phường Kim L1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Phạm Thị Ngọc Q, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Số 10 ngõ 4 kiệt 35 đường Nguyễn Phúc L, phường Kim L1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Số 59 đường Bùi Thị X, phường Phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh C và chị Phạm Thị Ngọc Q đăng ký hôn vào ngày 22/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị Q là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh C và chị Q đã sống ly thân nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh C và chị Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh C và chị Q là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm

của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh C và chị Q.

[2] Về con chung: Anh Huỳnh C và chị Phạm Thị Ngọc Q có 03 con chung tên Huỳnh L2, sinh ngày 23/5/2012; Huỳnh Hào A, sinh ngày 25/5/2015 và Huỳnh Ngọc Như Y, sinh ngày 18/6/2021.

Anh C và chị Q thỏa thuận: Giao 02 cháu L2 và Hào A cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); giao cháu Y cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Huỳnh C và chị Phạm Thị Ngọc Q xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh C và chị Phạm Thị Ngọc Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Huỳnh C và chị Phạm Thị Ngọc Q có 03 con chung tên Huỳnh L2, sinh ngày 23/5/2012; Huỳnh Hào A, sinh ngày 25/5/2015 và Huỳnh Ngọc Như Y, sinh ngày 18/6/2021. Hiện nay, cháu L2 và cháu Hào A đang sống cùng với anh C, cháu Y đang sống cùng với chị Q.

Giao 02 cháu Huỳnh L2 và Huỳnh Hào A cho anh Huỳnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); giao cháu Huỳnh Ngọc Như Y cho chị Phạm Thị Ngọc Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Huỳnh C và chị Phạm Thị Ngọc Q không có tài sản chung, không vay nợ ai, không ai yêu cầu nên Tòa án

không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Huỳnh C và chị Phạm Thị Ngọc Q, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003527 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh C và chị Q đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. Phường Đ, TP. H
(ĐKKH số 96 ngày 22/11/2010);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh